

令和 3 年 6 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	65.6 t	7.68	5.0 cm	19.0 °C	
放流量	64.5 t	7.74	50.0 cm	19.1 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	290 KWH	3,977 KWH	7.26 t	
日平均使用量	9.4 KWH	128.3 KWH	0.23 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	7台 3.31t	55台 124.16t	43台 38.82t	6台 16.80t	1台 2.79t	
前月累計	15台 7.95t	70台 136.63t	85台 59.73t	19台 55.56t	3台 7.37t	
年度計	22台 11.26t	125台 260.79t	128台 98.55t	25台 72.36t	4台 10.16t	

小計	
月計	112台 185.88 t
前月累計	192台 267.24 t
年度計	304台 453.12 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.30 t	112台 186.18 t
前月累計	0.46 t	192台 267.70 t
年度計	0.76 t	304台 453.88 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	28台	465 m ³
前月累計	80台	668 m ³
年度計	108台	1,133 m ³

項目	日
搬入日数	21
日平均搬入数量	8.85 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	133.67 t	94台	スケール分散剤	40.00 kg
5	134.03 t	98台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	186.18 t	112台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	t	台	固形塩素剤	3.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清 缶 剤	kg
12	t	台	並 塩	kg
1	t	台	リ ン 酸	kg
2	t	台	保護 マ ッ ト	枚
3	t	台	汚 泥 量	3.00 m ³
			脱水ケーキ量	0.30 t
計	453.88 t	304台	脱水機運転時間	4:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	13 °C	18 °C	11 °C
2	晴	17 °C	22 °C	12 °C
3	晴	19 °C	23 °C	11 °C
4	雨	16 °C	17 °C	14 °C
5		°C	°C	°C
6		°C	°C	°C
7	晴	21 °C	22 °C	8 °C
8	晴	22 °C	24 °C	11 °C
9	晴	17 °C	22 °C	12 °C
10	晴	22 °C	27 °C	11 °C
11	晴	23 °C	28 °C	14 °C
12		°C	°C	°C
13		°C	°C	°C
14	晴	19 °C	22 °C	14 °C
15	曇/雨	17 °C	22 °C	13 °C
16	晴	22 °C	25 °C	15 °C
17	曇/晴	17 °C	22 °C	13 °C
18	曇/晴	17 °C	23 °C	14 °C
19		°C	°C	°C
20		°C	°C	°C
21	曇	18 °C	23 °C	12 °C
22	晴	19 °C	25 °C	13 °C
23	晴	20 °C	24 °C	11 °C
24	曇	21 °C	23 °C	15 °C
25	晴	21 °C	26 °C	14 °C
26		°C	°C	°C
27		°C	°C	°C
28	晴	23 °C	25 °C	14 °C
29	晴	23 °C	27 °C	16 °C
30	晴	25 °C	28 °C	17 °C